

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 108/2022/HS-ST
Ngày 26/4/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Thanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Đức Lý.

2. Bà Trần Thị Liên.

Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Cảnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Lê Viết Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 26/4/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 87/2022/HS-ST ngày 28/3/2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2022/QĐXXST-HS ngày 12/4/2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Kim Văn T**, sinh ngày 20/6/1979, tại thành phố Hà Nội

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 4, xã H, huyện P, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở trước khi phạm tội: phường T, thành phố B.

Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông Kim Văn N, sinh năm 1953 và con bà Quang Thị H, sinh năm 1957; Bị cáo có vợ là chị Bùi Thị M, sinh năm 1989; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền sự: Không; Tiền án: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/7/2021 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Nguyễn Thị Anh T, sinh năm 1989, trú tại: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị Thanh C, sinh năm 1983, trú tại: Tổ dân phố 7, phường Tân L1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm: 1989, trú tại: Phường T, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
4. Chị Lê Thị N, sinh năm 1984, trú tại: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
5. Anh Trần Phước L, sinh năm 1990, trú tại: Thôn 1, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
6. Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm: 1990, trú tại: Thôn 5, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
7. Chị Nguyễn Thị Q, sinh năm 1990, trú tại: Thôn 8, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
8. Anh Đỗ Đình T, sinh năm 1993, trú tại: thôn T, Xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
9. Chị Nguyễn Hồng H, sinh năm 1988, trú tại: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
10. Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1986, trú tại: phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
11. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1990, trú tại: Tp. B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
12. Chị Phạm Thị T, sinh năm 1982, trú tại: phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
13. Chị Nguyễn Thị Thanh P, sinh năm: 1991, trú tại: Thôn 12, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
14. Chị Võ Thị Kim C, sinh năm: 1988, trú tại: Tổ dân phố Đạt Hiếu 2, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
15. Chị Lê Thị Hoàng Y, sinh năm: 1989, trú tại: phường T1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk ; vắng mặt.
16. Anh Đinh Kim P, sinh năm: 1990, trú tại: Tổ dân phố 5, phường K, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
17. Anh Đặng Mậu Đ, sinh năm: 1990, trú tại: Thôn 15, xã E, huyện B, tỉnh Nguyễn Thị Y Đắk Lắk; vắng mặt.
18. Chị, sinh năm: 1992, trú tại: Tổ dân phố 1, thị trấn Phước An, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
19. Anh Nguyễn Tấn B sinh năm: 1991, trú tại: Thôn 1, xã Ea Tu, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
20. Chị Trần Thị T, sinh năm: 1991, trú tại: Thôn 8, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
21. Anh Trần Minh T, sinh năm: 1989, trú tại: xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
22. Chị Trần Thị L, sinh năm: 1994, trú tại: Thôn 3, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
23. Chị Cao Thị T V, sinh năm: 1987, trú tại: Thôn 15, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.
24. Chị Nguyễn Thị L, sinh năm: 1971, trú tại: Thôn 16A, xã E, huyện B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

25. Anh Hồ Viết T, sinh năm: 1998, trú tại: phường E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

26. Chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm: 1986, trú tại: Thôn 5, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

27. Chị Bùi Thị T, sinh năm: 1990, trú tại: Thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Nông; vắng mặt.

28. Chị Khổng Thị T N, sinh năm: 1988, trú tại: phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

29. Anh Đoàn Văn Q, sinh năm 1980; trú tại: phường Đ, thị xã Đ, tỉnh Q Ninh; vắng mặt.

30. Chị H'D, sinh năm 1989; trú tại: phường T1, TP. B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

31. Anh Lương Tấn P, sinh năm 1997; trú tại: 127 N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

32. Anh Kim Anh D, sinh năm 1989; trú tại: thôn 1, xã H, huyện P, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

33. Chị Bùi Thị M, sinh năm 1983; trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện S, thành phố Hà Nội; vắng mặt.

31. Anh Nguyễn Văn M; trú tại: thôn 2, xã Ê, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 6/2021 Kim Văn T thuê phòng trọ của chị H'D để ở. Sau đó T đăng Q cáo trên mạng xã hội với nội dung cho vay tiền và để số điện thoại 0932.881388 cho người vay tiền liên hệ. Khi có người cần vay tiền liên hệ thì T đến gặp thỏa thuận tiền lãi và hình thức thu tiền.

Đến ngày 18/6/2021 T thuê Đoàn Văn Q vào làm việc giúp cho T trong việc hoạt động cho vay lãi nặng, với lương 6.000.000đ/tháng. T sử dụng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển số 47H1-521.53 để làm phương tiện đi đến nhà người vay tiền để xác minh, giao nhận tiền vay và tiền lãi hàng ngày, ngoài ra T còn sử dụng 02 tài khoản ngân hàng MB Bank số 386813688888 và ngân hàng S số 05018802255 để chuyển tiền cho người vay và người vay chuyển tiền gốc, lãi cho T. T tự quy định lãi suất vay như sau: Nếu người vay, vay số tiền 5.000.000 đồng, thì mỗi ngày trả tiền gốc và lãi 250.000đ, thời gian trả 25 ngày, khi trả đủ thì T sẽ thu được 1.250.000đ tiền lãi (tương đương lãi suất 365%/năm). Đồng thời thu phí của những người vay số tiền từ 05% đến 10% của khoản vay, để thu lợi bất chính.

Từ tháng 06/2021 đến tháng 07/2021, T đã cho nhiều người vay tiền bằng hình thức cho vay trả góp với lãi suất cao so với quy định của nhà nước. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk và Cơ quan Cảnh sát điều tra TP. Buôn Ma Thuột, đã chứng minh làm rõ Kim Văn T đã cho 28 người vay tiền để thu lợi bất chính, cụ thể như sau:

1. Chị Nguyễn Thị Anh T, vay 02 lần, cụ thể:

- Lần 1: Ngày 06/6/2021, vay số tiền 8.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 400.000 đồng (trong đó tiền gốc là 320.000 đồng, tiền lãi là 80.000 đồng), T thu tiền phí là 800.000 đồng, đã đóng được 25 ngày với tổng số tiền 10.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 8.000.000 đồng, lãi là 2.000.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 109,589 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.890.411 đồng + 800.000 đồng = 2.690.411 đồng.

- Lần 2: Ngày 26/6/2021, vay số tiền 8.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 400.000 đồng (trong đó tiền gốc là 320.000 đồng, tiền lãi là 80.000 đồng), T thu tiền phí là 500.000 đồng, đã đóng được 10 ngày với tổng số tiền 4.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 3.200.000 đồng, lãi là 800.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 43.835 đồng, thu lợi bất chính số tiền 756.164 đồng + 500.000 đồng = 1.256.164 đồng. Gói vay này chị T còn nợ tiền gốc là 4.800.000 đồng và tiền lãi là 1.200.000 đồng.

Như vậy, với việc cho chị T vay tiền như trên thì T đã thu lợi bất chính tổng số tiền 3.946.575đ (ba triệu chín trăm bốn mươi sáu ngàn năm trăm bảy mươi lăm đồng), chị T còn nợ số tiền gốc vay là 4.800.000đ (bốn triệu tám trăm ngàn đồng). Khi cho vay tiền, bị can T giữ của chị T: 01 giấy chứng minh nhân dân số 241056288, mang tên Nguyễn Thị Anh T.

2. Chị Nguyễn Thị Thanh C, vay 04 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 06/6/2021, vay số tiền 10.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 400.000 đồng, tiền lãi là 100.000 đồng), T thu tiền phí là 1.000.000 đồng, đã đóng được 25 ngày với tổng số tiền 12.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 10.000.000 đồng, lãi là 2.500.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 136.986 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.363.014 đồng + 1.000.000 đồng = 3.363.014 đồng.

Lần 2: Ngày 11/6/2021, vay số tiền 7.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 350.000 đồng (trong đó tiền gốc là 280.000 đồng, tiền lãi là 70.000 đồng), T thu tiền phí là 350.000 đồng, đã đóng được 25 ngày với tổng số tiền 8.750.000 đồng (trong đó tiền gốc là 7.000.000 đồng, lãi là 1.750.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 95.890 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.654.110 đồng + 350.000 đồng = 2.004.110 đồng.

Lần 3: Ngày 26/6/2021, vay số tiền 7.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 350.000 đồng (trong đó tiền gốc là 280.000 đồng, tiền lãi là 70.000 đồng), T thu tiền phí là 350.000 đồng, đã đóng được 25 ngày với tổng số tiền 8.750.000 đồng (trong đó tiền gốc là 7.000.000 đồng, lãi là 1.750.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 95.890 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.654.110 đồng + 350.000 đồng = 2.004.110 đồng.

Lần 4: Ngày 10/7/2021, vay số tiền 10.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 400.000 đồng, tiền lãi là 100.000 đồng), T thu tiền phí là 500.000 đồng, đã đóng được 04 ngày với tổng số tiền 2.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 1.600.000 đồng, lãi là 400.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 21.918

đồng, thu lợi bất chính số tiền $378.082 \text{ đồng} + 500.000 \text{ đồng} = 878.082 \text{ đồng}$. Gói vay này chị C còn nợ tiền gốc vay là 8.400.000 đồng và tiền lãi 2.100.000 đồng.

Như vậy, với việc cho chị C vay tiền như trên thì T đã thu lợi bất chính tổng số tiền 8.249.316 đồng, chị C còn nợ số tiền gốc vay là 8.400.000 đồng.

Khi cho vay tiền, bị can T giữ của chị C: 01 giấy chứng nhận đăng kí mô tô xe máy số 006656, mang tên Nguyễn Thị Thanh C; 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001622156, người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Tô Văn B.

3. Chị Nguyễn Thị Quỳnh N, vay 04 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 06/6/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng), T thu tiền phí là 500.000 đồng, đã đóng được 25 ngày với tổng số tiền 6.250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 5.000.000 đồng, lãi là 1.250.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 68.493 đồng, thu lợi bất chính số tiền $1.181.507 \text{ đồng} + 500.000 \text{ đồng} = 1.681.507 \text{ đồng}$.

Lần 2: Ngày 17/6/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng), T thu tiền phí là 250.000 đồng, đã đóng được 25 ngày với tổng số tiền 6.250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 5.000.000 đồng, lãi là 1.250.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 68.493 đồng, thu lợi bất chính số tiền $1.181.507 \text{ đồng} + 250.000 \text{ đồng} = 1.431.507 \text{ đồng}$.

Lần 3: Ngày 01/7/2021, vay số tiền 6.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 300.000 đồng (trong đó tiền gốc là 240.000 đồng, tiền lãi là 60.000 đồng), T thu tiền phí là 300.000 đồng, đã đóng được 25 ngày với tổng số tiền 7.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 6.000.000 đồng, lãi là 1.500.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 82.192 đồng, thu lợi bất chính số tiền $1.417.808 \text{ đồng} + 300.000 \text{ đồng} = 1.717.808 \text{ đồng}$.

Lần 4: Ngày 12/7/2021, vay số tiền 6.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 300.000 đồng (trong đó tiền gốc là 240.000 đồng, tiền lãi là 60.000 đồng), T thu tiền phí là 300.000 đồng, đã đóng được 03 ngày với tổng số tiền 900.000 đồng (trong đó tiền gốc là 720.000 đồng, lãi là 180.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 9.863 đồng, thu lợi bất chính số tiền $170.137 \text{ đồng} + 300.000 \text{ đồng} = 470.137 \text{ đ}$ (bốn trăm bảy mươi ngàn một trăm mười ba đồng). Gói vay này chị N còn nợ tiền gốc vay là 5.280.000đ (năm triệu hai trăm tám mươi ngàn đồng) và tiền lãi 1.320.000 đồng.

Như vậy, với việc cho chị N vay tiền như trên thì T đã thu lợi bất chính tổng số tiền 5.300.959đ (năm triệu ba trăm ngàn chín trăm năm mươi chín đồng), chị N còn nợ số tiền gốc vay là 5.280.000 đồng.

Khi cho vay tiền, bị can T giữ của chị N: 01 giấy chứng minh nhân dân số 241134360, mang tên Nguyễn Thị Quỳnh N; 01 sổ hộ khẩu mang tên Lưu Thị N (tất cả đều bản phô tô) và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang Huỳnh Thị Kim Q.

4. Chị Lê Thị N, vay 01 lần, cụ thể:

Ngày 04/7/2021, vay số tiền 10.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 400.000 đồng, tiền lãi là 100.000 đồng), T thu tiền phí là 500.000 đồng, đã đóng được 10 ngày với tổng số tiền 5.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 4.000.000 đồng, lãi là 1.000.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 54.795 đồng, thu lợi bất chính số tiền 945.205 đồng + 500.000 đồng = 1.445.205đ (một triệu bốn trăm bốn mươi lăm ngàn hai trăm lẻ năm đồng). Gói vay này chị N còn nợ tiền gốc vay là 6.000.000đ (sáu triệu đồng) và tiền lãi 1.500.000 đồng.

Như vậy, với việc cho chị N vay tiền như trên thì T đã thu lợi bất chính số tiền 1.445.205 đồng, chị N còn nợ số tiền gốc vay là 6.000.000 đồng.

Khi cho vay tiền, bị can T giữ của chị N: 01 giấy vay tiền do chị Lê Thị N ký vào ngày 04/7/2021.

5. Anh Trần Phước L, vay 01 lần, trực tiếp Q và bị cáo T cho vay, cụ thể:

Ngày 04/7/2021, vay số tiền 10.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 400.000 đồng, tiền lãi là 100.000 đồng), T thu tiền phí là 500.000 đồng, đã đóng được 12 ngày với tổng số tiền 6.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 4.800.000 đồng, lãi là 1.200.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 65.753 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.134.247 đồng + 1.000.000 đồng = 2.134.247 đồng. Gói vay này anh L còn nợ tiền gốc vay là 5.200.000 đồng và tiền lãi 1.300.000 đồng.

Như vậy, với việc cho anh L vay tiền như trên thì T và Q đã thu lợi bất chính số tiền 2.134.247 đồng, anh L còn nợ số tiền gốc vay là 5.200.000 đồng.

Khi cho vay tiền, bị can T giữ của anh L: 01 giấy vay tiền do Trần Phước L ký vào ngày 04/7/2021; 01 chứng minh nhân dân số 241080839 mang tên Trần Phước L; 01 sổ hộ khẩu mang tên Trần Xuân T.

6. Chị Nguyễn Thị Ngọc A, vay 01 lần, cụ thể:

Ngày 01/7/2021, vay số tiền 3.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 150.000 đồng (trong đó tiền gốc là 120.000 đồng, tiền lãi là 30.000 đồng), T thu tiền phí là 300.000 đồng, đã đóng được 15 ngày với tổng số tiền 2.250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 1.800.000 đồng, lãi là 450.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 24.658 đồng, thu lợi bất chính số tiền 425.342 đồng + 300.000 đồng = 725.342 đồng. Gói vay này chị A còn nợ tiền gốc vay là 1.200.000 đồng và tiền lãi 300.000 đồng.

Như vậy, với việc cho chị A vay tiền như trên thì T và Q đã thu lợi bất chính số tiền 725.342 đồng, chị A còn nợ số tiền gốc vay là 1.200.000 đồng.

Khi cho vay tiền, bị can T giữ của chị A: 01 giấy vay tiền do chị Nguyễn Thị Ngọc A ký tên ngày 01/7/2021; 01 giấy khai sinh mang tên Lê Cát Tường L.

7. Chị Nguyễn Thị Q, vay 01 lần, trực tiếp bị can T và Q cho vay, cụ thể:

Ngày 01/7/2021, vay số tiền 7.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 350.000 đồng (trong đó tiền gốc là 280.000 đồng, tiền lãi là 70.000 đồng), T thu tiền phí là 700.000 đồng, đã đóng được 09 ngày với tổng số tiền 3.150.000 đồng (trong đó tiền gốc là 2.520.000 đồng, lãi là 630.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 34.521 đồng,

thu lợi bất chính số tiền 595.479 đồng + 700.000 đồng = 1.295.479 đồng. Gói vay này chị Q còn nợ tiền gốc vay là 4.480.000 đồng và tiền lãi 1.120.000 đồng.

Như vậy, với việc cho chị Q vay tiền như trên thì T và Q đã thu lợi bất chính số tiền là 1.295.479 đồng, chị Q còn nợ số tiền gốc vay là 4.480.000 đồng.

Khi cho vay tiền, bị can T giữ của chị Q: 01 giấy chứng minh nhân dân số 241109635, mang tên Nguyễn Thị Q; 01 giấy vay tiền do chị Nguyễn Thị Q ký ngày 01/7/2021 và 01 giấy khai sinh mang tên Lê Tú A.

8. Anh Đỗ Đình T, vay 03 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 12/6/2021, vay số tiền 10.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 400.000 đồng, tiền lãi là 100.000 đồng), T thu tiền phí là 1.000.000 đồng, đã đóng được 25 ngày với tổng số tiền 12.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 10.000.000 đồng, lãi là 2.500.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 136.986 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.363.014 đồng + 1.000.000 đồng = 3.363.014 đồng.

Lần 2: Ngày 27/6/2021, vay số tiền 10.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 400.000 đồng, tiền lãi là 100.000 đồng), T thu tiền phí là 1.000.000 đồng, đã đóng được 25 ngày với tổng số tiền 12.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 10.000.000 đồng, lãi là 2.500.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 136.986 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.363.014 đồng + 1.000.000 đồng = 3.363.014 đồng.

Lần 3: Ngày 09/7/2021, vay số tiền 15.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 750.000 đồng (trong đó tiền gốc là 600.000 đồng, tiền lãi là 150.000 đồng), T thu tiền phí là 1.000.000 đồng, đã đóng được 06 ngày với tổng số tiền 4.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 3.600.000 đồng, lãi là 900.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 49.315 đồng, thu lợi bất chính số tiền 850.685 đồng + 1.000.000 đồng = 1.850.685 đồng. Gói vay này anh T còn nợ tiền gốc vay là 11.400.000 đồng và tiền lãi 2.850.000 đồng.

Như vậy, với việc cho anh T vay tiền như trên thì T đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 8.576.713 đồng, anh T còn nợ số tiền gốc vay là 11.400.000 đồng.

Khi cho vay tiền, bị can T giữ của anh T: 01 giấy phép lái xe số 240130000875, mang tên Đỗ Đình T.

9. Chị Nguyễn Hồng H, vay 01 lần, cụ thể:

Ngày 15/6/2021, vay số tiền 30.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 1.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 1.200.000 đồng, tiền lãi là 300.000 đồng), T thu tiền phí là 3.000.000 đồng, đã đóng được 25 ngày với tổng số tiền 37.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 30.000.000 đồng, lãi là 7.500.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 410.959 đồng, thu lợi bất chính số tiền 7.089.041 đồng + 3.000.000 đồng = 10.089.041 đồng.

Như vậy, với việc cho chị H vay tiền như trên thì T đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 10.089.041 đồng.

Khi cho vay tiền, bị can T giữ của chị H: 01 chứng minh nhân dân; 01 quyết định công tác; 01 bằng tốt nghiệp cao đẳng đều mang tên Nguyễn Hồng H và 02 giấy khai sinh, tuy nhiên T đã trả các loại giấy tờ trên cho chị H.

10. Anh Hoàng Văn T, vay 03 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 19/6/2021, vay số tiền 10.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 400.000 đồng, tiền lãi là 100.000 đồng), T thu tiền phí là 1.000.000 đồng, đã đóng được 25 ngày với tổng số tiền 12.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 10.000.000 đồng, lãi là 2.500.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 136.986 đồng, thu lợi bất chính số tiền 2.363.014 đồng + 1.000.000 đồng = 3.363.014 đồng.

Lần 2: Ngày 04/7/2021, vay số tiền 10.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 400.000 đồng, tiền lãi là 100.000 đồng), T thu tiền phí là 500.000 đồng, đã đóng được 12 ngày với tổng số tiền 6.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 4.800.000 đồng, lãi là 1.200.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 65.753 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.134.247 đồng + 500.000 đồng = 1.634.247 đồng. Gói vay này anh T còn nợ tiền gốc vay là 5.200.000 đồng và tiền lãi 1.300.000 đồng.

Lần 3: Ngày 09/7/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng), T thu tiền phí là 500.000 đồng, đã đóng được 6 ngày với tổng số tiền 1.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 1.200.000 đồng, lãi là 300.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 16.438 đồng, thu lợi bất chính số tiền 283.562 đồng + 500.000 đồng = 783.562đ. Gói vay này anh T còn nợ tiền gốc vay là 3.800.000 đồng và tiền lãi 950.000 đồng.

Như vậy, với việc cho anh T vay tiền như trên thì T đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 5.780.823 đồng, anh T còn nợ số tiền gốc vay là 9.000.000 đồng.

Khi cho vay tiền, bị cáo T giữ của anh T: 01 giấy chứng minh nhân dân số 240871586, mang tên Hoàng Văn T; 01 giấy phép lái xe số 938581, mang tên Hoàng Văn T; 01 giấy vay tiền do anh Hoàng Văn T ký tên vào ngày 19/6/2021.

11. Chị Nguyễn Thị H, vay 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 28/6/2021, vay số tiền 30.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 1.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 1.200.000 đồng, tiền lãi là 300.000 đồng), T thu tiền phí là 3.000.000 đồng, đã đóng được 25 ngày với tổng số tiền 37.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 30.000.000 đồng, lãi là 7.500.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 410.959 đồng, thu lợi bất chính số tiền 7.089.041 đồng + 3.000.000 đồng = 10.089.041 đồng.

Lần 2: Ngày 12/7/2021, vay số tiền 30.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 1.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 1.200.000 đồng, tiền lãi là 300.000 đồng), T thu tiền phí là 1.500.000 đồng, đã đóng được 03 ngày với tổng số tiền 4.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 3.600.000 đồng, lãi là 900.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 49.315 đồng, thu lợi bất chính số tiền 850.685 đồng + 1.500.000. đồng = 2.350.685 đồng. Gói vay này chị H còn nợ tiền gốc vay là 26.400.000 đồng và tiền lãi 6.600.000 đồng.

Như vậy, với việc cho chị H vay tiền như trên thì T đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 12.439.726 đồng, chị H còn nợ số tiền gốc vay là 26.400.000 đồng.

Khi cho vay tiền, bị cáo T giữ của chị H: 01 giấy chứng minh nhân dân số 245084645, mang tên Nguyễn Thị H, 01 giấy phép lái xe số 61151003973, mang tên Nguyễn Thị H; 01 sổ hộ khẩu số 160673351, chủ hộ Bùi Xuân Minh; 01 giấy vay tiền do chị Nguyễn Thị H ký vào ngày 28/6/2021.

12. Chị Phạm Thị T, vay 01 lần, cụ thể:

Ngày 24/6/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng), T thu tiền phí là 500.000 đồng, đã đóng được 24 ngày với tổng số tiền 6.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 4.800.000 đồng, lãi là 1.200.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 65.753 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.134.247 đồng + 500.000 đồng = 1.634.247 đồng. Gói vay này chị T còn nợ tiền gốc vay là 200.000 đồng và tiền lãi 50.000 đồng.

Như vậy, với việc cho chị T vay tiền như trên thì T đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 1.634.247 đồng, chị T còn nợ số tiền gốc vay là 200.000 đồng.

Khi cho vay tiền, bị cáo T giữ của chị T: 01 giấy vay tiền do chị Phạm Thị T ký vào ngày 24/6/2021; 01 giấy khai sinh mang tên Võ Văn T. (

13. Chị Nguyễn Thị Thanh P, vay 01 lần, cụ thể:

Ngày 21/6/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng), T thu tiền phí là 500.000 đồng, đã đóng được 25 ngày với tổng số tiền 6.250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 5.000.000 đồng, lãi là 1.250.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 68.493 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.181.507 đồng + 500.000 đồng = 1.681.507 đồng

Như vậy, với việc cho chị P vay tiền như trên thì T đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 1.681.507 đồng.

Khi cho vay tiền, bị can T giữ của chị P: 01 giấy chứng minh nhân dân số 241167591, mang tên Nguyễn Thị Thanh P; 01 giấy vay tiền do chị Nguyễn Thị Thanh P ký vào ngày 21/6/2021.

14. Chị Võ Thị Kim C, vay 01 lần, cụ thể:

Ngày 08/7/2021, vay số tiền 7.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 350.000 đồng (trong đó tiền gốc là 280.000 đồng, tiền lãi là 70.000 đồng), T thu tiền phí là 350.000 đồng, đã đóng được 25 ngày với tổng số tiền 8.750.000 đồng (trong đó tiền gốc là 7.000.000 đồng, lãi là 1.750.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 95.890 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.654.110 đồng + 350.000 đồng = 2.004.110 đồng.

Như vậy, với việc cho chị C vay tiền như trên thì T đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 2.004.110 đồng.

Khi cho vay tiền, bị cáo T giữ của chị C: 01 chứng minh nhân dân số 241171118, mang tên Võ Thị Kim C.

15. Chị Lê Thị Hoàng Y, vay 01 lần lãi đúng, cụ thể:

Ngày 05/7/2021, chị Lê Thị Hoàng Y vay số tiền 30.000.000 đồng, trả tiền lãi 1.667đ/1.000.000đ/ngày, tương đương lãi suất 61%/01 năm, lãi suất cho vay gấp 3.042 lần so với mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, T thu tiền phí là 3.000.000 đồng, đã đóng lãi được 30 ngày tương ứng số tiền lãi là 1.500.000 đồng, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 493.151 đồng, thu lợi bất chính số tiền $1.007.149 \text{ đồng} + 3.000.000 \text{ đồng} = 4.007.149 \text{ đồng}$.

Như vậy, với việc cho chị Y vay tiền như trên thì T đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 4.007.149 đồng, chị Y còn nợ số tiền gốc vay là 30.000.000 đồng. Đây là, lãi suất cho phép theo quy định trong Bộ luật Dân sự.

Khi cho vay tiền, bị cáo T giữ của chị Y: 01 chứng minh nhân dân số 241135569, mang tên Lê Thị Hoàng Y; 01 giấy vay tiền do chị Lê Thị Hoàng Y ký vào ngày 05/7/2021; 01 giấy đăng ký kết hôn mang tên Lê Thị Hoàng Y và Nguyễn Anh K; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 922517, mang tên Lê Đăng H.

16. Anh Đinh Kim P, vay 01 lần, cụ thể:

Ngày 02/7/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng), T thu tiền phí là 500.000 đồng, đã đóng được 12 ngày với tổng số tiền 3.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 2.400.000 đồng, lãi là 600.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 32.877 đồng, thu lợi bất chính số tiền $567.123 \text{ đồng} + 500.000 \text{ đồng} = 1.067.123 \text{ đồng}$. Gói vay này chị P còn nợ tiền gốc vay là 2.600.000 đồng và tiền lãi 650.000 đồng.

Như vậy, với việc cho chị P vay tiền như trên thì T đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 1.067.123 đồng, chị P còn nợ số tiền gốc vay là 2.600.000 đồng.

Khi cho vay tiền, bị cáo T giữ của chị Phi: 01 sổ hộ khẩu số 160369560, do anh Đinh Kim P đứng tên chủ hộ; 01 chứng minh nhân dân số 241235214, mang tên anh Đinh Kim P; 01 giấy chứng nhận kết hôn mang tên Đinh Kim P; 01 chứng minh nhân dân số 241096922, mang tên Hoàng Thị Đài T; 01 giấy khai sinh mang tên Đinh Hoàng Ngọc B; 01 giấy khai sinh mang tên Đinh Quốc C và 01 giấy chứng nhận kết hôn Đinh Kim P.

17. Anh Đặng Mẫu Đ, vay 01 lần, cụ thể:

Ngày 02/7/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng), T thu tiền phí là 500.000 đồng, đã đóng được 10 ngày với tổng số tiền 2.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 2.000.000 đồng, lãi là 500.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 27.397 đồng, thu lợi bất chính số tiền $472.603 \text{ đồng} + 500.000 \text{ đồng} = 972.603 \text{ đồng}$. Gói vay này chị Phi còn nợ tiền gốc vay là 3.000.000 đồng và tiền lãi 750.000 đồng.

Như vậy, với việc cho anh Đ vay tiền như trên thì T đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 972.603 đồng, anh Đ còn nợ số tiền gốc vay là 3.000.000 đồng.

Khi cho vay tiền, bị can T giữ của anh Đ: 01 căn cước công dân số 066190001356, mang tên Đặng Mẫu Đ; 01 sổ hộ khẩu số 160202701, do anh Đinh Ngọc T đứng tên chủ hộ.

18. Chị Nguyễn Thị Y, vay 01 lần, cụ thể:

Tháng 6/2021, vay số tiền 15.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 750.000 đồng (trong đó tiền gốc là 600.000 đồng, tiền lãi là 150.000 đồng), T thu tiền phí là 1.500.000 đồng, đã đóng được 25 ngày với tổng số tiền 18.750.000 đồng (trong đó tiền gốc là 15.000.000 đồng, lãi là 3.750.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 205.479 đồng, thu lợi bất chính số tiền 3.544.521 đồng + 1.500.000 đồng = 5.044.521 đồng. Gói vay này chị Y đã trả tiền gốc và lãi cho T.

Như vậy, với việc cho chị Y vay tiền như trên thì T đã thu lợi bất chính số tiền là 5.044.521 đồng.

Khi cho vay tiền, bị can T giữ của chị Y: 01 giấy khai sinh mang tên Võ Nguyễn Hà U; 01 sổ hộ khẩu số 160318696, do chị Nguyễn Thị Y đứng tên chủ hộ; 01 giấy vay tiền, do chị Nguyễn Thị Y ký tên vào ngày 25/6/2021; 01 trích lục khai sinh mang tên Nguyễn Ngọc Thiên A.

19. Anh Nguyễn Tấn B vay 01 lần, cụ thể:

Ngày 08/6/2021, vay số tiền 6.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 300.000 đồng (trong đó tiền gốc là 240.000 đồng, tiền lãi là 60.000 đồng), T thu tiền phí là 600.000 đồng, đã đóng được 05 ngày với tổng số tiền 1.500.000 đồng (trong đó tiền gốc là 1.200.000 đồng, lãi là 300.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 16.438 đồng, thu lợi bất chính số tiền 283.562 đồng + 600.000 đồng = 883.562 đồng. Gói vay này anh B còn nợ tiền gốc vay là 4.800.000 đồng và tiền lãi 1.200.000 đồng.

Như vậy, với việc cho anh B vay tiền như trên thì T đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 883.562 đồng, anh B còn nợ số tiền gốc vay là 4.800.000 đồng.

Khi cho vay tiền, bị cáo T giữ của anh B: 01 giấy chứng minh nhân dân số 241351607, mang tên Nguyễn Tấn B; 01 sổ hộ khẩu mang số 160561289, do chị Phạm Thị N đứng tên chủ hộ.

20. Chị Trần Thị T, vay 01 lần, cụ thể:

Ngày 30/6/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng), T thu tiền phí là 500.000 đồng, đã đóng được 16 ngày với tổng số tiền 4.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 3.200.000 đồng, lãi là 800.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 43.836 đồng, thu lợi bất chính số tiền 756.164 đồng + 500.000 đồng = 1.256.164 đồng. Gói vay này chị T còn nợ tiền gốc vay là 1.800.000 đồng và tiền lãi 450.000 đồng.

Như vậy, với việc cho chị T vay tiền như trên thì T đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 1.256.164 đồng, chị T còn nợ số tiền gốc vay là 1.800.000 đồng.

Khi cho vay tiền, bị cáo T giữ của chị T: 01 giấy chứng minh nhân dân số 241110889, mang tên Trần Thị T; 01 giấy chứng minh nhân dân số 240359570, mang tên Huỳnh Thị L; 01 giấy vay tiền, do chị Trần Thị T ký vào ngày 30/6/2021; 01 giấy khai sinh mang tên Huỳnh Trần Ánh N.

21. Anh Trần Minh T, vay 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 06/6/2021, vay số tiền 4.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 200.000 đồng (trong đó tiền gốc là 160.000 đồng, tiền lãi là

40.000 đồng), T thu tiền phí là 250.000 đồng, đã đóng được 23 ngày với tổng số tiền 4.600.000 đồng (trong đó tiền gốc là 3.680.000 đồng, lãi là 920.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 50.411 đồng, thu lợi bất chính số tiền 869.589 đồng + 250.000 đồng = 1.119.589 đồng. Gói vay này anh T còn nợ tiền gốc vay là 320.000 đồng và tiền lãi 80.000 đồng.

Lần 2: Ngày 26/6/2021, vay số tiền 4.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 200.000 đồng (trong đó tiền gốc là 160.000 đồng, tiền lãi là 40.000 đồng), T thu tiền phí là 250.000 đồng, đã đóng được 04 ngày với tổng số tiền 800.000 đồng (trong đó tiền gốc là 640.000 đồng, lãi là 160.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 8.767 đồng, thu lợi bất chính số tiền 151.233 đồng + 250.000 đồng = 401.233 đồng. Gói vay này anh T còn nợ tiền gốc vay là 3.360.000 đồng và tiền lãi 840.000 đồng.

Như vậy, với việc cho anh T vay tiền như trên thì T đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 1.520.822 đồng, anh T còn nợ số tiền gốc vay là 3.680.000 đồng.

Khi cho vay tiền, T không giữ tài sản hay giấy tờ gì của anh T.

22. Chị Trần Thị L, vay 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 20/6/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng), T thu tiền phí là 500.000 đồng, đã đóng được 16 ngày với tổng số tiền 4.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 3.200.000 đồng, lãi là 800.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 43.836 đồng, thu lợi bất chính số tiền 756.164 đồng + 500.000 đồng = 1.256.164 đồng. Gói vay này chị L còn nợ tiền gốc vay là 1.800.000 đồng và tiền lãi 450.000 đồng.

Lần 2: Ngày 05/7/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng), T thu tiền phí là 500.000 đồng, đã đóng được 12 ngày với tổng số tiền 3.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 2.400.000 đồng, lãi là 600.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 32.877 đồng, thu lợi bất chính số tiền 567.123 đồng + 500.000 đồng = 1.067.123 đồng. Gói vay này chị L còn nợ tiền gốc vay là 2.600.000 đồng và tiền lãi 650.000 đồng.

Như vậy, với việc cho chị Trần Thị L vay tiền như trên thì T đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 2.323.287 đồng, chị L còn nợ số tiền gốc vay là 4.400.000 đồng.

Khi cho vay tiền, bị cáo T giữ của chị L: 01 giấy chứng minh nhân dân số 241343969, mang tên Trần Thị L; 01 giấy khai sinh mang tên Trần Thị L; 01 giấy vay tiền, do chị Trần Thị L ký vào ngày 20/6/2021; 01 thông báo về việc thực hiện nghĩa vụ vận động đóng góp các loại quỹ năm 2021 mang tên Trần Thị L.

23. Chị Cao Thị T V, vay 02 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 29/6/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng), T thu tiền phí là 500.000 đồng, đã đóng được 16 ngày với tổng số tiền 4.000.000 đồng (trong đó tiền gốc là 3.200.000 đồng, lãi là 800.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 43.836 đồng,

thu lợi bất chính số tiền 756.164 đồng + 500.000 đồng = 1.256.164 đồng. Gói vay này chị V còn nợ tiền gốc vay là 1.800.000 đồng và tiền lãi 450.000 đồng.

Lần 2: Ngày 02/7/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng), T thu tiền phí là 500.000 đồng, đã đóng được 13 ngày với tổng số tiền 3.250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 2.600.000 đồng, lãi là 650.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 35.616 đồng, thu lợi bất chính số tiền 614.384 đồng + 500.000 đồng = 1.114.834 đồng. Gói vay này chị V còn nợ tiền gốc vay là 2.400.000 đồng và tiền lãi 600.000 đồng.

Như vậy, với việc cho chị V vay tiền như trên thì T đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 2.370.548 đồng, chị V còn nợ số tiền gốc vay là 4.200.000 đồng.

Khi cho vay tiền, bị can T giữ của chị V: 01 sổ hộ khẩu mang số 160026696, do ông Lê Đình D đứng tên chủ hộ; 01 chứng minh nhân dân số 241085187, mang tên Nguyễn Thị Năng; 01 giấy khai sinh mang tên Cao Thanh V (tất cả đều là bản chính) và 01 sổ hộ khẩu số 160026753, do chị Lê Thị H đứng tên chủ hộ (bản phô tô); 01 giấy khai sinh mang tên Hồ Quốc B (bản chính); 01 sổ hộ khẩu do anh Hồ Đình Sơn Đ đứng tên chủ hộ.

24. Chị Nguyễn Thị L, vay 02 lần, trong đó trực tiếp bị cáo T và Q cho vay 01 lần vào ngày 04/7/2021, cụ thể:

Lần 1: Ngày 24/6/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng), T thu tiền phí là 500.000 đồng, đã đóng được 19 ngày với tổng số tiền 4.750.000 đồng (trong đó tiền gốc là 3.800.000 đồng, lãi là 950.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 68.493 đồng, thu lợi bất chính số tiền 881.507 đồng + 500.000 đồng = 1.381.507 đồng. Gói vay này chị L còn nợ tiền gốc vay là 1.200.000 đồng và tiền lãi 300.000 đồng

Như vậy, với việc cho chị L vay tiền như trên thì Q đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 1.381.507 đồng, chị L còn nợ số tiền gốc vay là 1.200.000 đồng.

Lần 2: Ngày 04/7/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng), T thu tiền phí là 500.000 đồng, đã đóng được 11 ngày với tổng số tiền 2.750.000 đồng (trong đó tiền gốc là 2.200.000 đồng, lãi là 550.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 30.137 đồng, thu lợi bất chính số tiền 519.863 đồng + 500.000 đồng = 1.019.863 đồng. Gói vay này chị L còn nợ tiền gốc vay là 2.800.000 đồng và tiền lãi 700.000 đồng.

Như vậy, với việc cho chị L vay tiền như trên thì T và Q đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 1.019.863 đồng, chị L còn nợ số tiền gốc vay là 2.800.000 đồng.

Khi cho vay tiền, bị can T giữ của chị L: 01 giấy khai sinh mang tên Trịnh Vinh A (bản sao); 01 sổ hộ khẩu số 160591292, do Trịnh Văn V đứng tên chủ hộ.

25. Anh Hồ Viết T, vay 01 lần, cụ thể:

Ngày 08/6/2021, vay số tiền 6.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 300.000 đồng (trong đó tiền gốc là 240.000 đồng, tiền lãi là 60.000 đồng), T thu tiền phí là 600.000 đồng, đã đóng được 08 ngày với tổng số tiền

2.400.000 đồng (trong đó tiền gốc là 1.920.000 đồng, lãi là 480.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 26.301 đồng, thu lợi bất chính số tiền 453.699 đồng + 600.000 đồng = 1.053.699 đồng. Gói vay này anh T còn nợ tiền gốc vay là 4.080.000 đồng và tiền lãi 1.020.000 đồng.

Như vậy, với việc cho anh T vay tiền như trên thì T đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 1.053.699 đồng, anh T còn nợ số tiền gốc vay là 4.080.000 đồng.

Khi cho vay tiền, bị can T giữ của anh T: 01 chứng minh nhân dân số 241826980, mang tên Hồ Viết T.

26. Chị Nguyễn Thị Kim H, vay 01 lần, cụ thể:

Ngày 0/7/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng), T thu tiền phí là 500.000 đồng, đã đóng được 07 ngày với tổng số tiền 1.750.000 đồng (trong đó tiền gốc là 1.400.000 đồng, lãi là 350.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 19.178 đồng, thu lợi bất chính số tiền 330.822 đồng + 250.000 đồng = 580.822 đồng. Gói vay này chị L còn nợ tiền gốc vay là 3.600.000 đồng và tiền lãi 900.000 đồng.

Như vậy, với việc cho chị H vay tiền như trên thì T đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 580.822 đồng chị H còn nợ số tiền gốc vay là 3.600.000 đồng.

Khi cho vay tiền, bị cáo T giữ của chị H: 01 sổ hộ khẩu số 160207839, do anh Hoàng Khắc C đứng tên chủ hộ; 01 giấy khai sinh mang tên Hoàng Anh K.

27. Chị Bùi Thị T, vay 03 lần, cụ thể:

Lần 1: Ngày 06/6/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng), T thu tiền phí là 500.000 đồng, đã đóng được 25 ngày với tổng số 6.250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 5.000.000 đồng, lãi là 1.250.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 68.493 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.181.507 đồng + 500.000 đồng = 1.681.507 đồng.

Lần 2: Ngày 09/6/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng), T thu tiền phí là 500.000 đồng, đã đóng được 25 ngày với tổng số 6.250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 5.000.000 đồng, lãi là 1.250.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 68.493 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.181.507 đồng + 500.000 đồng = 1.681.507 đồng.

Lần 3: Ngày 02/7/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng), T thu tiền phí là 500.000 đồng, đã đóng được 11 ngày với tổng số 2.750.000 đồng (trong đó tiền gốc là 2.200.000 đồng, lãi là 550.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 30.137 đồng, thu lợi bất chính số tiền 519.863 đồng + 500.000 đồng = 1.019.863 đồng. Gói vay này chị T còn nợ tiền gốc vay là 2.800.000 đồng và tiền lãi 700.000 đồng.

Như vậy, với việc cho chị T vay tiền như trên thì T đã thu lợi bất chính tổng số tiền là 4.382.877 đồng, chị H còn nợ số tiền gốc vay là 2.800.000 đồng.

Khi cho vay tiền, bị can T giữ của chị T: 01 giấy chứng minh nhân dân số 245105806, mang tên Bùi Thị T.

28. Chị Khổng Thị T N, vay 01 lần, cụ thể:

Đầu tháng 06/2021, vay số tiền 5.000.000 đồng, trong thời gian 25 ngày, 01 ngày trả tiền gốc và lãi là 250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 200.000 đồng, tiền lãi là 50.000 đồng), T thu tiền phí là 500.000 đồng, đã đóng được 25 ngày với tổng số 6.250.000 đồng (trong đó tiền gốc là 5.000.000 đồng, lãi là 1.250.000 đồng), lãi suất tương ứng là 365%/năm, tiền lãi cao nhất theo quy định của nhà nước là 68.493 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.181.507 đồng + 500.000 đồng = 1.681.507 đồng.

Khi cho vay tiền, bị cáo T giữ của chị Nhi: 01 giấy chứng minh nhân dân số 240966927, mang tên Khổng Thị T N.

Như vậy, tổng số tiền mà bị cáo T cho 28 cá nhân vay là 404.000.000 đồng, tổng số tiền phí đã thu là 34.150.000 đồng, tổng số tiền lãi đã thu là 63.170.000 đồng. Số tiền lãi cao nhất theo quy định của pháp luật là 3.477.808 đồng, như vậy bị can T đã thu lợi bất chính từ hoạt động cho vay trên với tổng số tiền (63.170.000 đồng + 34.150.000 đồng) - 3.477.808 đồng = 93.842.192 đồng. Số tiền gốc bị cáo T đã thu được của 28 người vay là 252.680.000 đồng và tổng số tiền gốc những người vay còn nợ của bị cáo T là 151.320.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ các tài sản của bị cáo T, gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15S, màu đen, số IMEI 1: 866314051999777, số IMEI 2: 866314051999769, gắn thẻ sim mạng VIETTEL, có số seri: 8984048000040679535.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, số IMEI 352115456159847, gắn thẻ sim mạng Mobifone, có số seri: 8401201150009475.

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe Wave màu đen biển số 47H1-521.53, số khung: 3904HY623074, số máy: JA39E0598218.

- 01 Thẻ ATM ngân hàng MB, số thẻ: 4089.0410.3834.9635, tên chủ thẻ KIM VAN THAO.

- 01 Thẻ ATM ngân hàng S, số TK: 0501.2880.2255.

- Tiền Việt nam đồng: 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng);

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 241056288, mang tên Nguyễn Thị Anh T.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký mô tô xe máy số 006656, mang tên Nguyễn Thị Thanh C; 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001622156, người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Tô Văn B.

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 241134360, mang tên Nguyễn Thị Quỳnh N; 01 sổ hộ khẩu mang tên Lưu Thị N và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang Huỳnh Thị Kim Q.

- 01 giấy vay tiền do chị Lê Thị N ký vào ngày 04/7/2021.

- 01 giấy vay tiền do Trần Phước L ký vào ngày 04/7/2021; 01 chứng minh nhân dân số 241080839 mang tên Trần Phước L; 01 sổ hộ khẩu mang tên Trần Xuân T.

- 01 giấy vay tiền do chị Nguyễn Thị Ngọc A ký tên ngày 01/7/2021; 01 giấy khai sinh mang tên Lê Cát Tường L.

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 241109635, mang tên Nguyễn Thị Q; 01 giấy vay tiền do chị Nguyễn Thị Q ký ngày 01/7/2021 và 01 giấy khai sinh mang tên Lê Tú A.

- 01 giấy phép lái xe số 240130000875, mang tên Đỗ Đình T.

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 240871586, mang tên Hoàng Văn T; 01 giấy phép lái xe số 938581, mang tên Hoàng Văn T; 01 giấy vay tiền do anh Hoàng Văn T ký tên vào ngày 19/6/2021.

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 245084645, mang tên Nguyễn Thị H, 01 giấy phép lái xe số 61151003973, mang tên Nguyễn Thị H; 01 sổ hộ khẩu số 160673351, chủ hộ Bùi Xuân Minh; 01 giấy vay tiền do chị Nguyễn Thị H ký vào ngày 28/6/2021.

- 01 giấy vay tiền do chị Phạm Thị T ký vào ngày 24/6/2021; 01 giấy khai sinh mang tên Võ Văn T.

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 241167591, mang tên Nguyễn Thị Thanh P; 01 giấy vay tiền do chị Nguyễn Thị Thanh P ký vào ngày 21/6/2021.

- 01 chứng minh nhân dân số 241171118, mang tên Võ Thị Kim C.

- 01 chứng minh nhân dân số 241135569, mang tên Lê Thị Hoàng Y; 01 giấy vay tiền do chị Lê Thị Hoàng Y ký vào ngày 05/7/2021; 01 giấy đăng ký kết hôn mang tên Lê Thị Hoàng Y và Nguyễn Anh K; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 922517, mang tên Lê Đăng H.

- 01 sổ hộ khẩu số 160369560, do anh Đinh Kim P đứng tên chủ hộ; 01 chứng minh nhân dân số 241235214, mang tên anh Đinh Kim P; 01 giấy chứng nhận kết hôn mang tên Đinh Kim P; 01 chứng minh nhân dân số 241096922, mang tên Hoàng Thị Đài T; 01 giấy khai sinh mang tên Đinh Hoàng Ngọc B; 01 giấy khai sinh mang tên Đinh Quốc C và 01 giấy chứng nhận kết hôn Đinh Kim P.

- 01 căn cước công dân số 066190001356, mang tên Đặng Mẫu Đ; 01 sổ hộ khẩu số 160202701, do anh Đinh Ngọc T đứng tên chủ hộ .

- 01 giấy khai sinh mang tên Võ Nguyễn Hà U; 01 sổ hộ khẩu số 160318696, do chị Nguyễn Thị Y đứng tên chủ hộ; 01 giấy vay tiền, do chị Nguyễn Thị Y ký tên vào ngày 25/6/2021; 01 trích lục khai sinh mang tên Nguyễn Ngọc Thiên A .

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 241351607, mang tên Nguyễn Tấn B; 01 sổ hộ khẩu mang số 160561289, do chị Phạm Thị N đứng tên chủ hộ.

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 241110889, mang tên Trần Thị T; 01 giấy chứng minh nhân dân số 240359570, mang tên Huỳnh Thị L; 01 giấy vay tiền, do chị Trần Thị T ký vào ngày 30/6/2021; 01 giấy khai sinh mang tên Huỳnh Trần Ánh N.

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 241343969, mang tên Trần Thị L; 01 giấy khai sinh mang tên Trần Thị L; 01 giấy vay tiền, do chị Trần Thị L ký vào ngày 20/6/2021; 01 thông báo về việc thực hiện nghĩa vụ vận động đóng góp các loại quỹ năm 2021 mang tên Trần Thị L.

- 01 sổ hộ khẩu mang số 160026696, do ông Lê Đình D đứng tên chủ hộ; 01 chứng minh nhân dân số 241085187, mang tên Nguyễn Thị Năng; 01 giấy khai sinh mang tên Cao Thanh V và 01 sổ hộ khẩu số 160026753, do chị Lê Thị H đứng tên

chủ hộ; 01 giấy khai sinh mang tên Hồ Quốc B; 01 sổ hộ khẩu do anh Hồ Đình Sơn Đ đứng tên chủ hộ.

- 01 giấy khai sinh mang tên Trịnh Vinh A; 01 sổ hộ khẩu số 160591292, do Trịnh Văn V đứng tên chủ hộ.

- 01 chứng minh nhân dân số 241826980, mang tên Hồ Viết T.

- 01 sổ hộ khẩu số 160207839, do anh Hoàng Khắc C đứng tên chủ hộ; 01 giấy khai sinh mang tên Hoàng Anh K.

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 245105806, mang tên Bùi Thị T.

- 01 chứng minh nhân dân số 241109188, mang tên Trần Thị Bảo L.

- 01 sổ hộ khẩu số 160541164, do anh Ngô Xuân D đứng tên chủ hộ.

- 01 bằng thạc sỹ số 142241 mang tên Bùi Huy T; 01 hợp đồng làm việc mang tên Bùi Huy T.

- 01 giấy khai sinh mang tên Nguyễn Thị L; 01 sổ hộ khẩu số 160326317, do chị Nguyễn Thị L đứng tên chủ hộ; 01 chứng minh nhân dân số 241126745, mang tên Nguyễn Thị L.

- 01 sổ hộ khẩu số 160629385, do chị Đinh Thị Nhã U đứng tên chủ hộ, 01 giấy chứng minh số 240458828, mang tên Đinh Thị Nhã U; 01 giấy vay tiền, do Đinh Thị Nhã U ký tên vào ngày 22/6/2021.

- 01 sổ hộ khẩu số 160364235, mang tên Nguyễn Đình N.

- 01 căn cước công dân số 001200026827, mang tên Nguyễn Thiện Q; 01 sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Văn Đ.

- 01 chứng minh nhân dân số 240966927, mang tên Không Thị T N.

- 01 chứng minh nhân dân số 240051744, mang tên Nguyễn P.

- 01 chứng minh nhân dân số 240390927, mang tên Nguyễn Thị L; 01 giấy vay tiền do chị Nguyễn Thị L ký vào ngày 26/6/2021; 01 sổ hộ khẩu do Nguyễn Q đứng tên chủ hộ; 01 chứng minh nhân dân số 240390927, mang tên Nguyễn Thị L.

- 01 sổ hộ khẩu do ông Nguyễn Văn M đứng tên chủ hộ; 01 giấy phép lái xe số mang tên Nguyễn Văn T.

- 01 giấy khai sinh mang tên Võ Nguyễn Bảo T.

- 01 giấy vay tiền do anh Nguyễn Trung H ký tên vào ngày 23/6/2021.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 040146, mang tên Lương Tấn P.

- 01 giấy chứng minh nhân dân số 152000621, mang tên Hoàng Thị H.

- 01 căn cước công dân số 033076002229, mang tên Đào Văn S.

Tạm giữ các tài sản của Đoàn Văn Q, gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu vàng, số IMEI 359202076306843, gắn thẻ sim mạng VIETTEL, có số seri: 8984048000079458825.

- 01 Giấy phép lái xe hạng A1, số: AG242998 và 01 Giấy phép lái xe hạng E, số: 220085006502, đều mang tên Đoàn Văn Q.

- 01 Căn cước công dân số: 030080003955 mang tên Đoàn Văn Q, cấp ngày 23/11/2020.

- 01 thẻ ATM ngân hàng MB, số thẻ 4089.0410.1581.9667, chủ thẻ DOAN VAN QUANG.

- 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV, số thẻ 9704.1801.0932.5407, chủ thẻ DOAN VAN QUANG.

- 01 thẻ ATM ngân hàng TP BANK, số thẻ 9704.2377.7319.8302, chủ thẻ DOAN VAN QUANG.

Quá trình điều tra xác định: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15S, màu đen, số IMEI 1: 866314051999777, số IMEI 2: 866314051999769, gắn thẻ sim mạng VIETTEL, có số seri: 8984048000040679535 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, số IMEI 352115456159847, gắn thẻ sim mạng Mobifone, có số seri: 8401201150009475 và số tiền 1.250.000đ (một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng), là các công cụ Kim Văn T dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 47H1-521.53, tại Kết luận giám định số 817/KLGD-PC09 ngày 05/8/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk, kết luận xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển số 47H1 - 521.53, số khung RLHJA3904HY6230074, số máy: JA39E-0598218, không thay đổi. Quá trình điều tra xác định: Xe mô tô biển số 47H1-521.53 là tài sản Kim V sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Tại bản cáo trạng số: 108/CT-VKS-HS ngày 28/3/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột truy tố bị cáo Kim Văn T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận: Hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng nêu trên là đúng, những lời khai tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa là hoàn toàn tự nguyện, khách quan, không bị ép cung nhục hình gì.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình điều tra là khách quan, đầy đủ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Kim Văn T mức án tù 18 đến 24 tháng cải tạo không giam giữ.

Hình phạt bổ sung: xử phạt bị cáo từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền bị cáo T thu lợi bất chính cần trả lại cho những người vay tiền, cụ thể:

- Trả cho chị Nguyễn Thị Anh T, tổng số tiền 2.646.575 đồng + 1.300.000 đồng = 3.946.575 đồng;

- Trả cho chị Nguyễn Thị Thanh C, tổng số tiền 6.049.316 đồng + 2.200.000 đồng = 8.249.316 đồng;

- Trả cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N, tổng số tiền 3.950.959 đồng + 1350.000 đồng = 5.300.959 đồng;

- Trả cho chị Lê Thị N, tổng số tiền 945.205 đồng + 500.000 đồng = 1.445.205 đồng;
- Trả cho anh Trần Phước L, tổng số tiền 1.134.247 đồng + 1.000.000 đồng = 2.134.247 đồng;
- Trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc A, tổng số tiền 425.342 đồng + 300.000 đồng = 725.342 đồng;
- Trả cho chị Nguyễn Thị Q, tổng số tiền 595.479 + 700.000 đồng = 1.295.479 đồng;
- Trả cho anh Đỗ Đình T, tổng số tiền 5.576.713 đồng + 3.000.000 đồng = 8.576.713 đồng;
- Trả cho Chị Nguyễn Thị Hồng Hạnh, số tiền 7.089.041 đồng + 3.000.000 đồng = 10.089.041 đồng;
- Trả cho anh Hoàng Văn T, tổng số tiền 3.780.823 đồng + 2.000.000 đồng = 5.780.823 đồng;
- Trả cho chị Nguyễn Thị H, tổng số tiền 7.939.726 đồng + 4.500.000 đồng = 12.439.726 đồng;
- Trả cho chị Phạm Thị T, tổng số tiền 1.134.247 đồng + 500.000 đồng = 1.634.247 đồng;
- Trả cho chị Nguyễn Thị Thanh P, tổng số tiền 1.181.507 đồng + 500.000 đồng = 1.634.247 đồng;
- Trả cho chị Võ Thị Kim C, tổng số tiền 1.654.110 đồng + 350.000 đồng = 2.004.110 đồng;
- Trả cho chị Lê Thị Hoàng Y, tổng số tiền 3.000.000 đồng;
- Trả cho anh Đình Kim P, tổng số tiền 567.123 đồng + 500.000 đồng = 1.067.123 đồng;
- Trả cho anh Đặng Mẫu Đ, tổng số tiền 472.603 đồng + 500.000 đồng = 972.603 đồng;
- Trả cho chị Nguyễn Thị Y, tổng số tiền 3.544.521 đồng + 1.500.000 đồng = 5.044.521 đồng;
- Trả cho anh Nguyễn Tấn B tổng số tiền 283.562 đồng + 600.000 đồng = 883.562 đồng ;
- Trả cho chị Trần Thị T, tổng số tiền 756.164 đồng + 500.000 đồng = 1.256.164 đồng ;
- Trả cho anh Trần Minh T, tổng số tiền 1.020.822 đồng + 500.000 đồng = 1.520.822 đồng;
- Trả cho chị Trần Thị L, tổng số tiền 1.323.287 đồng + 1.000.000 đồng = 2.323.287 đồng;
- Trả cho chị Cao Thị T V, tổng số tiền 1.370.548 đồng + 1.000.000 đồng = 2.370.548 đồng;
- Trả cho chị Nguyễn Thị L, tổng số tiền 1.401.370 đồng + 1.000.000 đồng = 2.401.370 đồng ;
- Trả cho anh Hồ Viết T, tổng số tiền 453.699 đồng + 600.000 đồng = 1.053.699 đồng;

- Trả cho chị Nguyễn Thị Kim H, tổng số tiền 330.822 đồng + 250.000 đồng = 580.822 đồng;

- Trả cho chị Bùi Thị T, tổng số tiền 2.882.877 đồng + 1.500.000 đồng = 4.382.877 đồng;

- Trả lại cho chị Không Thị T N, tổng số tiền 1.181.507 đồng + 500.000 đồng = 1.681.507 đồng.

Truy thu từ bị cáo T: Số tiền 251.430.000 đồng, (đã trừ số tiền 1.250.000 đồng bị can T tự nguyện giao nộp) là tiền gốc người vay đã trả và số tiền 3.902.329 đồng là tiền lãi theo quy định (lãi suất 20%) nộp sung ngân sách Nhà nước.

Truy thu số tiền 151.320.000 đồng nợ gốc của những người vay tiền đã vay, chưa trả cho bị cáo T để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- Chị Nguyễn Thị Anh T, số tiền 4.800.000 đồng; chị Nguyễn Thị Thanh C, số tiền 8.400.000 đồng; chị Nguyễn Thị Quỳnh N, số tiền 5.280.000 đồng; chị Lê Thị N, số tiền 6.000.000 đồng; anh Trần Phước L, số tiền 5.200.000 đồng; chị Nguyễn Thị Ngọc A, số tiền 1.200.000 đồng; chị Nguyễn Thị Q, số tiền 4.480.000 đồng; anh Đỗ Đình T, số tiền 11.400.000 đồng; anh Hoàng Văn T, số tiền 9.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị H, số tiền 26.400.000 đồng; chị Phạm Thị T, số tiền 200.000 đồng; anh Đinh Kim P, số tiền 2.600.000 đồng; anh Đặng Mẫu Đ, số tiền 3.000.000 đồng; anh Nguyễn Tấn B số tiền 4.800.000 đồng; chị Trần Thị T, số tiền 1.800.000 đồng; anh Trần Minh T, số tiền 3.680.000 đồng; chị Trần Thị L, số tiền 4.400.000 đồng; chị Cao Thị T V, số tiền 4.200.000 đồng; chị Nguyễn Thị L, số tiền 4.000.000 đồng; anh Hồ Việt T, số tiền 4.080.000 đồng; chị Nguyễn Thị Kim H, số tiền 3.600.000 đồng; chị Bùi Thị T, số tiền 2.800.000 đồng, chị Lê Thị Hoàng Y số tiền 30.000.000 đồng”.

Chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Buôn Ma Thuột trả lại các tài sản không liên quan đến việc phạm tội cho các chủ tài sản, cụ thể:

- Trả lại cho bị cáo Kim Văn T 01 Căn cước công dân mang tên Kim Văn T;

- Trả lại cho Đoàn Văn Q: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu vàng; 01 Giấy phép lái xe hạng A1, số: AG242998; 01 Giấy phép lái xe hạng E, số: 220085006502; 01 Căn cước công dân số: 030080003955; 01 thẻ ATM ngân hàng MB, số thẻ 4089.0410.1581.9667; 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV, số thẻ 9704.1801.0932.5407 và 01 thẻ ATM ngân hàng TP BANK, số thẻ 9704.2377.7319.8302;

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Anh T 01 giấy chứng minh nhân dân số 241056288;

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh C 01 giấy chứng nhận đăng kí mô tô xe máy số 006656, mang tên Nguyễn Thị Thanh C; 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001622156, người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Tô Văn B;

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N 01 giấy chứng minh nhân dân số 241134360, mang tên Nguyễn Thị Quỳnh N; 01 sổ hộ khẩu mang tên Lưu Thị N và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang Huỳnh Thị Kim Q;

- Trả lại cho anh Trần Phước L 01 chứng minh nhân dân số 241080839 mang tên Trần Phước L; 01 sổ hộ khẩu mang tên Trần Xuân T;

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc A 01 giấy khai sinh mang tên Lê Cát Tường L;
- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Q 01 giấy chứng minh nhân dân số 241109635, mang tên Nguyễn Thị Q và 01 giấy khai sinh mang tên Lê Tú A;
- Trả lại cho anh Đỗ Đình T 01 giấy phép lái xe số 240130000875;
- Trả lại cho anh Hoàng Văn T 01 giấy chứng minh nhân dân số 240871586, mang tên Hoàng Văn T; 01 giấy phép lái xe số 938581;
- Trả lại cho chị Nguyễn Thị H 01 giấy chứng minh nhân dân số 245084645, mang tên Nguyễn Thị H, 01 giấy phép lái xe số 61151003973, mang tên Nguyễn Thị H; 01 sổ hộ khẩu số 160673351, chủ hộ Bùi Xuân Minh;
- Trả lại 01 cho chị Phạm Thị T 01 giấy khai sinh mang tên Võ Văn T;
- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh P 01 giấy chứng minh nhân dân số 241167591;
- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim C 01 chứng minh nhân dân số 24117111;
- Trả lại cho chị Lê Thị Hoàng Y 01 chứng minh nhân dân số 241135569; 01 giấy đăng ký kết hôn mang tên Lê Thị Hoàng Y; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 922517, mang tên Lê Đăng H;
- Trả lại cho anh Đình Kim P 01 sổ hộ khẩu số 160369560; 01 chứng minh nhân dân số 241235214; 01 giấy chứng nhận kết hôn mang tên Đình Kim P; 01 chứng minh nhân dân số 241096922, mang tên Hoàng Thị Đài T; 01 giấy khai sinh mang tên Đình Hoàng Ngọc B; 01 giấy khai sinh mang tên Đình Quốc C và 01 giấy chứng nhận kết hôn;
- Trả lại cho anh Đặng Mẫu Đ 01 căn cước công dân số 066190001356, mang tên Đặng Mẫu Đ; 01 sổ hộ khẩu số 160202701, do anh Đình Ngọc T đứng tên chủ hộ;
- Trả lại cho chị Khổng Thị T N 01 Giấy chứng minh nhân dân số 240966927;
- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Y 01 giấy khai sinh mang tên Võ Nguyễn Hà U; 01 sổ hộ khẩu số 160318696, do chị Nguyễn Thị Y đứng tên chủ hộ; 01 trích lục khai sinh mang tên Nguyễn Ngọc Thiên A;
- Trả lại cho Nguyễn Tấn B 01 giấy chứng minh nhân dân số 241351607, mang tên Nguyễn Tấn B; 01 sổ hộ khẩu mang số 160561289, do chị Phạm Thị N đứng tên chủ hộ;
- Trả lại cho chị Trần Thị T 01 giấy chứng minh nhân dân số 241110889; 01 giấy chứng minh nhân dân số 240359570, mang tên Huỳnh Thị L; 01 giấy khai sinh mang tên Huỳnh Trần Ánh N;
- Trả lại cho chị Trần Thị L 01 giấy chứng minh nhân dân số 241343969; 01 giấy khai sinh mang tên Trần Thị L; 01 thông báo về việc thực hiện nghĩa vụ vận động đóng góp các loại quỹ năm 2021 mang tên Trần Thị L;
- Trả lại cho chị Cao Thị T V 01 sổ hộ khẩu mang số 160026696, do ông Lê Đình D đứng tên chủ hộ; 01 chứng minh nhân dân số 241085187, mang tên Nguyễn Thị Năng; 01 giấy khai sinh mang tên Cao Thanh V và 01 sổ hộ khẩu số 160026753, do chị Lê Thị H đứng tên chủ hộ;
- Trả lại cho chị Nguyễn Thị L 01 giấy khai sinh mang tên Trịnh Vinh A; 01 sổ hộ khẩu số 160591292, do Trịnh Văn V đứng tên chủ hộ;

- Trả lại cho anh Hồ Viết T 01 chứng minh nhân dân số 241826980, mang tên Hồ Viết T;

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim H 01 sổ hộ khẩu số 160207839, do anh Hoàng Khắc C đứng tên chủ hộ; 01 giấy khai sinh mang tên Hoàng Anh K;

- Trả lại cho chị Bùi Thị T 01 giấy chứng minh nhân dân số 245105806;

- Trả lại cho anh Nguyễn Thiện Q 01 căn cước công dân số 001200026827, mang tên Nguyễn Thiện Q; 01 sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Văn Đ;

- Trả lại cho chị Trần Thị Bảo L 01 chứng minh nhân dân số 241109188;

Đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15S, màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe Wave màu đen biển số 47H1-521.53 và số tiền 1.250.000 đồng là tài sản của bị cáo T dùng phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với: 01 Thẻ ATM ngân hàng MB, số thẻ: 4089.0410.3834.9635, 01 Thẻ ATM ngân hàng S, số TK: 0501.2880.2255, là tài sản liên quan đến việc phạm tội của bị cáo T nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với: 01 giấy vay tiền do chị Lê Thị N ký vào ngày 04/7/2021; 01 giấy vay tiền do Trần Phước L ký vào ngày 04/7/2021; 01 giấy vay tiền do chị Nguyễn Thị Ngọc A ký tên ngày 01/7/2021; 01 giấy vay tiền do anh Hoàng Văn T ký tên vào ngày 19/6/2021; 01 giấy vay tiền do chị Nguyễn Thị H ký vào ngày 28/6/2021; 01 giấy vay tiền do chị Phạm Thị T ký vào ngày 24/6/2021; 01 giấy vay tiền do chị Nguyễn Thị Thanh P ký vào ngày 21/6/2021; 01 giấy vay tiền do chị Lê Thị Hoàng Y ký vào ngày 05/7/2021; 01 giấy vay tiền, do chị Nguyễn Thị Y ký tên vào ngày 25/6/2021; 01 giấy vay tiền, do chị Trần Thị T ký vào ngày 30/6/2021; 01 giấy vay tiền, do chị Trần Thị L ký vào ngày 20/6/2021, cần chuyển theo hồ sơ để đảm bảo việc xét xử.

Đối với những người vay tiền của bị cáo T sau đó chuyển tiền lãi, gốc qua số tài khoản 050128802255 của Ngân hàng S chi nhánh Đắk Lắk và số tài khoản 386813688888 của Ngân hàng Q chi nhánh Đắk Lắk. Ngày 20/01/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột có Công văn đề nghị ngân hàng S và Ngân hàng Q cung cấp thông tin cá nhân liên quan đến các số tài khoản chuyển tiền nhưng hiện chưa có kết quả trả lời nên Cơ quan điều tra tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Đối với: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 040146, mang tên Lương Tấn P. Anh P đã bán chiếc xe mô tô trên cho 01 người đàn ông không rõ lai lịch cùng với giấy tờ trên, Anh P không vay tiền của bị can T. Hiện Anh P không yêu cầu nhận lại giấy tờ trên nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với Đoàn Văn Q từ ngày 18/6/2021 đến ngày 14/7/2021 đã có hành vi cùng với Kim Văn T làm thủ tục cho 04 người vay tiền trả góp với tổng số tiền 25.000.000 đồng và trực tiếp thu tiền lãi, gốc của 07 người vay với tổng số tiền 11.650.000 đồng. Do số tiền thu lợi bất chính đối với các khoản vay mà Q giúp sức cho bị cáo T đi thu tiền là 7.227.534 đồng. bị cáo không thỏa thuận với Q về việc cho vay lãi nặng và Q chưa được hưởng lợi từ sự việc trên nên không đồng phạm với bị cáo về tội Cho vay

lỗi nặng trong giao dịch dân sự. Do vậy Cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với Đoàn Văn Q là có căn cứ pháp luật.

Đối với chủ phòng trọ là chị H'D, chị H'D không biết việc bị cáo thuê phòng trọ của chị để làm nơi thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý.

Đối với Kim Anh D, là người cho bị cáo T mượn tài khoản Ngân hàng để giao dịch cho vay tiền nhưng đến nay Cơ quan điều tra chưa triệu tập để làm việc được nên Cơ quan điều tra tách hành vi của Kim Anh D tiếp tục xác minh, xử lý sau.

Đối với các giấy mượn tiền, các giấy tờ, đồ vật, tài liệu của những người vay gồm: Ngô Xuân D; Bùi Huy T; Nguyễn Thị L; Đinh Thị Nhã U; Nguyễn Đình N; Nguyễn P; Nguyễn Thị L; Nguyễn Văn T; Nguyễn Văn M; Hoàng Thị H; Đào Văn S; Võ Nguyễn Bảo T và một số người vay chưa rõ lai lịch, qua xác minh những người này hiện vắng mặt ở địa phương, chưa triệu tập làm việc được để xác định có vay tiền của bị cáo không, nội dung khoản vay, cũng như việc trả tiền vay nên chưa đủ căn cứ kết luận việc cho vay tiền và số tiền thu lợi bất chính của bị cáo. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra tách ra khỏi vụ án tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Bị cáo đồng ý với lời luận tội và không tranh luận, đối đáp gì với đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Tại phần lời nói sau cùng bị cáo tỏ thái độ ăn năn, hối cải và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo được hưởng các chính sách khoan hồng nhân đạo của pháp luật nhà nước và xin Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay về cơ bản là phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Xét hành vi của bị cáo do ý thức coi thường pháp luật nên từ

tháng 6/2021 đến tháng 7/2021 tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Kim Văn T đã dùng số tiền gốc là 404.000.000 đồng để cho 28 cá nhân vay tiền với mức lãi suất cao gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật Dân sự quy định, thu lợi bất chính tổng số tiền là 93.842.192 đồng là phạm tội “cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 của Bộ luật hình sự.

Điều 201 Bộ Luật Hình sự quy định:

“1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm;”

[3]. Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân, mà còn gây nên những ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức được rằng việc cho người khác vay tiền và áp đặt mức lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng trở lên là phạm tội. Nhưng vì động cơ vụ lợi nên từ tháng 6/2021 đến tháng 7/2021 tại thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo đã dùng số tiền gốc là 404.000.000 đồng để cho 28 cá nhân vay tiền với mức lãi suất cao gấp 05 lần mức lãi suất cao nhất do Bộ luật dân sự quy định, thu lợi bất chính tổng số tiền là 93.842.192 đồng. Cho nên đối với bị cáo cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội. Có như vậy, mới đảm bảo phát huy tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4]. Tuy nhiên, xét thấy sau khi phạm tội tại Cơ quan Điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Đây là, những tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 của Bộ luật hình sự nên cần xem xét trong quá trình lượng hình để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt nhằm thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Để bảo đảm tính nghiêm minh của pháp luật cần xử phạt bị cáo T 50.000.000 đồng.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền bị cáo T thu lợi bất chính cần trả lại cho những người vay tiền, cụ thể:

- Trả cho chị Nguyễn Thị Anh T, tổng số tiền 2.646.575 đồng + 1.300.000 đồng = 3.946.575 đồng;

- Trả cho chị Nguyễn Thị Thanh C, tổng số tiền 6.049.316 đồng + 2.200.000 đồng = 8.249.316 đồng;

- Trả cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N, tổng số tiền 3.950.959 đồng + 1.350.000 đồng = 5.300.959 đồng;

- Trả cho chị Lê Thị N, tổng số tiền 945.205 đồng + 500.000 đồng = 1.445.205 đồng;
- Trả cho anh Trần Phước L, tổng số tiền 1.134.247 đồng + 1.000.000 đồng = 2.134.247 đồng;
- Trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc A, tổng số tiền 425.342 đồng + 300.000 đồng = 725.342 đồng;
- Trả cho chị Nguyễn Thị Q, tổng số tiền 595.479 + 700.000 đồng = 1.295.479 đồng;
- Trả cho anh Đỗ Đình T, tổng số tiền 5.576.713 đồng + 3.000.000 đồng = 8.576.713 đồng;
- Trả cho Chị Nguyễn Thị Hồng Hạnh, số tiền 7.089.041 đồng + 3.000.000 đồng = 10.089.041 đồng;
- Trả cho anh Hoàng Văn T, tổng số tiền 3.780.823 đồng + 2.000.000 đồng = 5.780.823 đồng;
- Trả cho chị Nguyễn Thị H, tổng số tiền 7.939.726 đồng + 4.500.000 đồng = 12.439.726 đồng;
- Trả cho chị Phạm Thị T, tổng số tiền 1.134.247 đồng + 500.000 đồng = 1.634.247 đồng;
- Trả cho chị Nguyễn Thị Thanh P, tổng số tiền 1.181.507 đồng + 500.000 đồng = 1.634.247 đồng;
- Trả cho chị Võ Thị Kim C, tổng số tiền 1.654.110 đồng + 350.000 đồng = 2.004.110 đồng;
- Trả cho chị Lê Thị Hoàng Y, tổng số tiền 3.000.000 đồng;
- Trả cho anh Đình Kim P, tổng số tiền 567.123 đồng + 500.000 đồng = 1.067.123 đồng;
- Trả cho anh Đặng Mẫu Đ, tổng số tiền 472.603 đồng + 500.000 đồng = 972.603 đồng;
- Trả cho chị Nguyễn Thị Y, tổng số tiền 3.544.521 đồng + 1.500.000 đồng = 5.044.521 đồng;
- Trả cho anh Nguyễn Tấn B tổng số tiền 283.562 đồng + 600.000 đồng = 883.562 đồng ;
- Trả cho chị Trần Thị T, tổng số tiền 756.164 đồng + 500.000 đồng = 1.256.164 đồng ;
- Trả cho anh Trần Minh T, tổng số tiền 1.020.822 đồng + 500.000 đồng = 1.520.822 đồng;
- Trả cho chị Trần Thị L, tổng số tiền 1.323.287 đồng + 1.000.000 đồng = 2.323.287 đồng;
- Trả cho chị Cao Thị T V, tổng số tiền 1.370.548 đồng + 1.000.000 đồng = 2.370.548 đồng;
- Trả cho chị Nguyễn Thị L, tổng số tiền 1.401.370 đồng + 1.000.000 đồng = 2.401.370 đồng ;
- Trả cho anh Hồ Viết T, tổng số tiền 453.699 đồng + 600.000 đồng = 1.053.699 đồng;

- Trả cho chị Nguyễn Thị Kim H, tổng số tiền 330.822 đồng + 250.000 đồng = 580.822 đồng;

- Trả cho chị Bùi Thị T, tổng số tiền 2.882.877 đồng + 1.500.000 đồng = 4.382.877 đồng;

- Trả lại cho chị Không Thị T N , tổng số tiền 1.181.507 đồng + 500.000 đồng = 1.681.507 đồng.

Truy thu từ bị cáo T: Số tiền 251.430.000 đồng, (đã trừ số tiền 1.250.000 đồng bị can T tự nguyện giao nộp) là tiền gốc người vay đã trả và số tiền 3.902.329 đồng là tiền lãi theo quy định (lãi suất 20%) nộp sung ngân sách Nhà nước.

Truy thu số tiền nợ gốc của những người vay tiền đã vay, chưa trả cho bị cáo T để sung ngân sách Nhà nước, cụ thể:

- Chị Nguyễn Thị Anh T, số tiền 4.800.000 đồng; chị Nguyễn Thị Thanh C, số tiền 8.400.000 đồng; chị Nguyễn Thị Quỳnh N, số tiền 5.280.000 đồng; chị Lê Thị N, số tiền 6.000.000 đồng; anh Trần Phước L, số tiền 5.200.000 đồng; chị Nguyễn Thị Ngọc A, số tiền 1.200.000 đồng; chị Nguyễn Thị Q, số tiền 4.480.000 đồng; anh Đỗ Đình T, số tiền 11.400.000 đồng; anh Hoàng Văn T, số tiền 9.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị H, số tiền 26.400.000 đồng; chị Phạm Thị T, số tiền 200.000 đồng; anh Đinh Kim P, số tiền 2.600.000 đồng; anh Đặng Mẫu Đ, số tiền 3.000.000 đồng; anh Nguyễn Tấn B số tiền 4.800.000 đồng; chị Trần Thị T, số tiền 1.800.000 đồng; anh Trần Minh T, số tiền 3.680.000 đồng; chị Trần Thị L, số tiền 4.400.000 đồng; chị Cao Thị T V, số tiền 4.200.000 đồng; chị Nguyễn Thị L, số tiền 4.000.000 đồng; anh Hồ Việt T, số tiền 4.080.000 đồng; chị Nguyễn Thị Kim H, số tiền 3.600.000 đồng; chị Bùi Thị T, số tiền 2.800.000 đồng.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trả lại các giấy tờ, tài sản cho các chủ tài sản, cụ thể:

- Trả lại cho bị can Kim Văn T 01 Căn cước công dân mang tên Kim Văn T;

- Trả lại cho Đoàn Văn Q: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu vàng; 01 Giấy phép lái xe hạng A1, số: AG242998; 01 Giấy phép lái xe hạng E, số: 220085006502; 01 Căn cước công dân số: 030080003955; 01 thẻ ATM ngân hàng MB, số thẻ 4089.0410.1581.9667; 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV, số thẻ 9704.1801.0932.5407 và 01 thẻ ATM ngân hàng TP BANK, số thẻ 9704.2377.7319.8302;

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Anh T 01 giấy chứng minh nhân dân số 241056288;

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh C 01 giấy chứng nhận đăng kí mô tô xe máy số 006656, mang tên Nguyễn Thị Thanh C; 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001622156, người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Tô Văn B;

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N 01 giấy chứng minh nhân dân số 241134360, mang tên Nguyễn Thị Quỳnh N; 01 sổ hộ khẩu mang tên Lưu Thị N và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang Huỳnh Thị Kim Q;

- Trả lại cho anh Trần Phước L 01 chứng minh nhân dân số 241080839 mang tên Trần Phước L; 01 sổ hộ khẩu mang tên Trần Xuân T;

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc A 01 giấy khai sinh mang tên Lê Cát Tường L;
- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Q 01 giấy chứng minh nhân dân số 241109635, mang tên Nguyễn Thị Q và 01 giấy khai sinh mang tên Lê Tú A;
- Trả lại cho anh Đỗ Đình T 01 giấy phép lái xe số 240130000875;
- Trả lại cho anh Hoàng Văn T 01 giấy chứng minh nhân dân số 240871586, mang tên Hoàng Văn T; 01 giấy phép lái xe số 938581;
- Trả lại cho chị Nguyễn Thị H 01 giấy chứng minh nhân dân số 245084645, mang tên Nguyễn Thị H, 01 giấy phép lái xe số 61151003973, mang tên Nguyễn Thị H; 01 sổ hộ khẩu số 160673351, chủ hộ Bùi Xuân M;
- Trả lại 01 cho chị Phạm Thị T 01 giấy khai sinh mang tên Võ Văn T;
- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh P 01 giấy chứng minh nhân dân số 241167591;
- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim C 01 chứng minh nhân dân số 24117111;
- Trả lại cho chị Lê Thị Hoàng Y 01 chứng minh nhân dân số 241135569; 01 giấy đăng ký kết hôn mang tên Lê Thị Hoàng Y; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 922517, mang tên Lê Đăng H;
- Trả lại cho anh Đình Kim P 01 sổ hộ khẩu số 160369560; 01 chứng minh nhân dân số 241235214; 01 giấy chứng nhận kết hôn mang tên Đình Kim P; 01 chứng minh nhân dân số 241096922, mang tên Hoàng Thị Đài T; 01 giấy khai sinh mang tên Đình Hoàng Ngọc B; 01 giấy khai sinh mang tên Đình Quốc C và 01 giấy chứng nhận kết hôn;
- Trả lại cho anh Đặng Mẫu Đ 01 căn cước công dân số 066190001356, mang tên Đặng Mẫu Đ; 01 sổ hộ khẩu số 160202701, do anh Đình Ngọc T đứng tên chủ hộ;
- Trả lại cho chị Khổng Thị T N 01 Giấy chứng minh nhân dân số 240966927;
- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Y 01 giấy khai sinh mang tên Võ Nguyễn Hà U; 01 sổ hộ khẩu số 160318696, do chị Nguyễn Thị Y đứng tên chủ hộ; 01 trích lục khai sinh mang tên Nguyễn Ngọc Thiên A;
- Trả lại cho Nguyễn Tấn B 01 giấy chứng minh nhân dân số 241351607, mang tên Nguyễn Tấn B; 01 sổ hộ khẩu mang số 160561289, do chị Phạm Thị N đứng tên chủ hộ;
- Trả lại cho chị Trần Thị T 01 giấy chứng minh nhân dân số 241110889; 01 giấy chứng minh nhân dân số 240359570, mang tên Huỳnh Thị L; 01 giấy khai sinh mang tên Huỳnh Trần Ánh N;
- Trả lại cho chị Trần Thị L 01 giấy chứng minh nhân dân số 241343969; 01 giấy khai sinh mang tên Trần Thị L; 01 thông báo về việc thực hiện nghĩa vụ vận động đóng góp các loại quỹ năm 2021 mang tên Trần Thị L;
- Trả lại cho chị Cao Thị T V 01 sổ hộ khẩu mang số 160026696, do ông Lê Đình D đứng tên chủ hộ; 01 chứng minh nhân dân số 241085187, mang tên Nguyễn Thị Năng; 01 giấy khai sinh mang tên Cao Thanh V và 01 sổ hộ khẩu số 160026753, do chị Lê Thị H đứng tên chủ hộ;
- Trả lại cho chị Nguyễn Thị L 01 giấy khai sinh mang tên Trịnh Vinh A; 01 sổ hộ khẩu số 160591292, do Trịnh Văn V đứng tên chủ hộ;

- Trả lại cho anh Hồ Viết T 01 chứng minh nhân dân số 241826980, mang tên Hồ Viết T;

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim H 01 sổ hộ khẩu số 160207839, do anh Hoàng Khắc C đứng tên chủ hộ; 01 giấy khai sinh mang tên Hoàng Anh K;

- Trả lại cho chị Bùi Thị T 01 giấy chứng minh nhân dân số 245105806;

- Trả lại cho anh Nguyễn Thiện Q 01 căn cước công dân số 001200026827, mang tên Nguyễn Thiện Q; 01 sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Văn Đ;

- Trả lại cho chị Trần Thị Bảo L 01 chứng minh nhân dân số 241109188;

Đối với: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15S, màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe Wave màu đen biển số 47H1-521.53 và số tiền 1.250.000 đồng là tài sản của bị cáo T dùng phạm tội nên cần tịch thu Sung ngân sách nhà nước.

Đối với: 01 Thẻ ATM ngân hàng MB, số thẻ: 4089.0410.3834.9635, 01 Thẻ ATM ngân hàng S, số TK: 0501.2880.2255, là tài sản liên quan đến việc phạm tội của bị cáo T nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với: 01 giấy vay tiền do chị Lê Thị N ký vào ngày 04/7/2021; 01 giấy vay tiền do Trần Phước L ký vào ngày 04/7/2021; 01 giấy vay tiền do chị Nguyễn Thị Ngọc A ký tên ngày 01/7/2021; 01 giấy vay tiền do anh Hoàng Văn T ký tên vào ngày 19/6/2021; 01 giấy vay tiền do chị Nguyễn Thị H ký vào ngày 28/6/2021; 01 giấy vay tiền do chị Phạm Thị T ký vào ngày 24/6/2021; 01 giấy vay tiền do chị Nguyễn Thị Thanh P ký vào ngày 21/6/2021; 01 giấy vay tiền do chị Lê Thị Hoàng Y ký vào ngày 05/7/2021; 01 giấy vay tiền, do chị Nguyễn Thị Y ký tên vào ngày 25/6/2021; 01 giấy vay tiền, do chị Trần Thị T ký vào ngày 30/6/2021; 01 giấy vay tiền, do chị Trần Thị L ký vào ngày 20/6/2021, chuyển lưu theo hồ sơ.

Đối với những người vay tiền của Kim Văn T sau đó chuyển tiền lãi, gốc qua số tài khoản 050128802255 của Ngân hàng S chi nhánh Đắk Lắk và số tài khoản 386813688888 của Ngân hàng Q chi nhánh Đắk Lắk. Ngày 20/01/2022 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột có Công văn đề nghị ngân hàng S và Ngân hàng Q cung cấp thông tin cá nhân liên quan đến các số tài khoản chuyển tiền nhưng hiện chưa có kết quả trả lời nên Cơ quan điều tra tách ra khỏi vụ án để tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp.

Đối với: 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 040146, mang tên Lương Tấn P. Anh P đã bán chiếc xe mô tô trên cho 01 người đàn ông không rõ lai lịch cùng với giấy tờ trên, Anh P không vay tiền của bị cáo T. Hiện Anh P không yêu cầu nhận lại giấy tờ trên nên cần tịch thu tiêu hủy là phù hợp,

Đối với Đoàn Văn Q từ ngày 18/6/2021 đến ngày 14/7/2021 đã có hành vi cùng với bị cáo T làm thủ tục cho 04 người vay tiền trả góp với tổng số tiền 25.000.000 đồng và trực tiếp thu tiền lãi, gốc của 07 người vay với tổng số tiền 11.650.000 đồng. Do số tiền thu lợi bất chính đối với các khoản vay mà Q giúp sức cho bị cáo T đi thu tiền là 7.227.534 đồng. bị cáo T không thỏa thuận với Q về việc cho vay lãi nặng và Q chưa được hưởng lợi từ sự việc trên nên không đồng phạm với bị cáo T về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Do vậy Cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với Đoàn Văn Q là có căn cứ pháp luật.

Đối với chủ phòng trọ là chị H'D, không biết việc bị cáo T thuê phòng trọ của chị để làm nơi thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với Kim Anh D, là người cho T mượn tài khoản Ngân hàng để giao dịch cho vay tiền nhưng đến nay Cơ quan điều tra chưa triệu tập để làm việc được nên Cơ quan điều tra tách hành vi của anh Duy tiếp tục xác minh, xử lý sau là phù hợp.

Đối với các giấy mượn tiền, các giấy tờ, đồ vật, tài liệu của những người vay gồm: Ngô Xuân D; Bùi Huy T; Nguyễn Thị L; Đinh Thị Nhã U; Nguyễn Đình N; Nguyễn P; Nguyễn Thị L; Nguyễn Văn T; Nguyễn Văn M; Hoàng Thị H; Đào Văn S; Võ Nguyễn Bảo T và một số người vay chưa rõ lai lịch, qua xác minh những người này hiện vắng mặt ở địa phương, chưa triệu tập làm việc được để xác định có vay tiền của bị cáo T không, nội dung khoản vay, cũng như việc trả tiền vay nên chưa đủ căn cứ kết luận việc cho vay tiền và số tiền thu lợi bất chính của bị cáo T. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra tách ra khỏi vụ án tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp.

Xét ý kiến của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 36, khoản 1 Điều 201, điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Kim Văn T phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Về hình phạt chính: Xử phạt bị cáo Kim Văn T 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ. Được khấu trừ thời gian đã tạm giữ từ ngày 16/7/2021 đến ngày 23/7/2021, thời gian còn lại phải chấp hành là 01 (một) năm 11 (mười một) tháng 09 (chín) ngày (01 ngày tạm giữ, tạm giam bằng 03 ngày cải tạo không giam giữ).

Thời hạn cải tạo không giam giữ được tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao bị cáo Kim Văn T cho Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, thành phố Hà Nội. Giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, thành phố Hà Nội trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo Kim Văn T 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng).

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Kim Văn T.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47, Điều 48 của Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Buộc bị cáo Kim Văn T trả lại:

- Trả cho chị Nguyễn Thị Anh T, tổng số tiền 2.646.575 đồng + 1.300.000 đồng = 3.946.575 đồng.
- Trả cho chị Nguyễn Thị Thanh C, tổng số tiền 6.049.316 đồng + 2.200.000 đồng = 8.249.316 đồng.
- Trả cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N, tổng số tiền 3.950.959 đồng + 1.350.000 đồng = 5.300.959 đồng.
- Trả cho chị Lê Thị N, tổng số tiền 945.205 đồng + 500.000 đồng = 1.445.205 đồng.
- Trả cho anh Trần Phước L, tổng số tiền 1.134.247 đồng + 1.000.000 đồng = 2.134.247 đồng.
- Trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc A, tổng số tiền 425.342 đồng + 300.000 đồng = 725.342 đồng.
- Trả cho chị Nguyễn Thị Q, tổng số tiền 595.479 + 700.000 đồng = 1.295.479 đồng.
- Trả cho anh Đỗ Đình T, tổng số tiền 5.576.713 đồng + 3.000.000 đồng = 8.576.713 đồng.
- Trả cho Chị Nguyễn Thị Hồng Hạnh, số tiền 7.089.041 đồng + 3.000.000 đồng = 10.089.041 đồng.
- Trả cho anh Hoàng Văn T, tổng số tiền 3.780.823 đồng + 2.000.000 đồng = 5.780.823 đồng.
- Trả cho chị Nguyễn Thị H, tổng số tiền 7.939.726 đồng + 4.500.000 đồng = 12.439.726 đồng.
- Trả cho chị Phạm Thị T, tổng số tiền 1.134.247 đồng + 500.000 đồng = 1.634.247 đồng.
- Trả cho chị Nguyễn Thị Thanh P, tổng số tiền 1.181.507 đồng + 500.000 đồng = 1.634.247 đồng.
- Trả cho chị Võ Thị Kim C, tổng số tiền 1.654.110 đồng + 350.000 đồng = 2.004.110 đồng.
- Trả cho chị Lê Thị Hoàng Y, tổng số tiền 3.000.000 đồng.
- Trả cho anh Đinh Kim P, tổng số tiền 567.123 đồng + 500.000 đồng = 1.067.123 đồng.
- Trả cho anh Đặng Mẫu Đ, tổng số tiền 472.603 đồng + 500.000 đồng = 972.603 đồng.
- Trả cho chị Nguyễn Thị Y, tổng số tiền 3.544.521 đồng + 1.500.000 đồng = 5.044.521 đồng.
- Trả cho anh Nguyễn Tấn B tổng số tiền 283.562 đồng + 600.000 đồng = 883.562 đồng.
- Trả cho chị Trần Thị T, tổng số tiền 756.164 đồng + 500.000 đồng = 1.256.164 đồng.
- Trả cho anh Trần Minh T, tổng số tiền 1.020.822 đồng + 500.000 đồng = 1.520.822 đồng.
- Trả cho chị Trần Thị L, tổng số tiền 1.323.287 đồng + 1.000.000 đồng = 2.323.287 đồng.

- Trả cho chị Cao Thị T V, tổng số tiền 1.370.548 đồng + 1.000.000 đồng = 2.370.548 đồng.
- Trả cho chị Nguyễn Thị L, tổng số tiền 1.401.370 đồng + 1.000.000 đồng = 2.401.370 đồng.
- Trả cho anh Hồ Viết T, tổng số tiền 453.699 đồng + 600.000 đồng = 1.053.699 đồng.
- Trả cho chị Nguyễn Thị Kim H, tổng số tiền 330.822 đồng + 250.000 đồng = 580.822 đồng.
- Trả cho chị Bùi Thị T, tổng số tiền 2.882.877 đồng + 1.500.000 đồng = 4.382.877 đồng.
- Trả lại cho chị Không Thị T N, tổng số tiền 1.181.507 đồng + 500.000 đồng = 1.681.507 đồng.

Truy thu, sung ngân sách nhà nước của bị cáo Kim Văn T:

Số tiền 251.430.000 đồng (đã trừ số tiền 1.250.000 đồng bị cáo T tự nguyện giao nộp) là tiền gốc người vay đã trả và số tiền 3.902.329 đồng là tiền lãi theo quy định (lãi suất 20%). Số lượng, đặc điểm như biên về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/4/2022 giữa Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Truy thu, sung ngân sách nhà nước số tiền nợ gốc của những người vay tiền đã vay, chưa trả cho bị cáo Kim Văn T, cụ thể:

Chị Nguyễn Thị Anh T, số tiền 4.800.000 đồng; chị Nguyễn Thị Thanh C, số tiền 8.400.000 đồng; chị Nguyễn Thị Quỳnh N, số tiền 5.280.000 đồng; chị Lê Thị N, số tiền 6.000.000 đồng; anh Trần Phước L, số tiền 5.200.000 đồng; chị Nguyễn Thị Ngọc A, số tiền 1.200.000 đồng; chị Nguyễn Thị Q, số tiền 4.480.000 đồng; anh Đỗ Đình T, số tiền 11.400.000 đồng; anh Hoàng Văn T, số tiền 9.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị H, số tiền 26.400.000 đồng; chị Phạm Thị T, số tiền 200.000 đồng; anh Đinh Kim P, số tiền 2.600.000 đồng; anh Đặng Mẫu Đ, số tiền 3.000.000 đồng; anh Nguyễn Tấn B số tiền 4.800.000 đồng; chị Trần Thị T, số tiền 1.800.000 đồng; anh Trần Minh T, số tiền 3.680.000 đồng; chị Trần Thị L, số tiền 4.400.000 đồng; chị Cao Thị T V, số tiền 4.200.000 đồng; chị Nguyễn Thị L, số tiền 4.000.000 đồng; anh Hồ Viết T, số tiền 4.080.000 đồng; Chị Nguyễn Thị Kim H, số tiền 3.600.000 đồng; chị Bùi Thị T, số tiền 2.800.000 đồng.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Buôn Ma Thuột trả lại các giấy tờ, tài sản cho các chủ tài sản, cụ thể:

- Trả lại cho bị can Kim Văn T 01 Căn cước công dân mang tên Kim Văn T.
- Trả lại cho Đoàn Văn Q: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7, màu vàng; 01 Giấy phép lái xe hạng A1, số: AG242998; 01 Giấy phép lái xe hạng E, số: 220085006502; 01 Căn cước công dân số: 030080003955; 01 thẻ ATM ngân hàng MB, số thẻ 4089.0410.1581.9667; 01 thẻ ATM ngân hàng BIDV, số thẻ 9704.1801.0932.5407 và 01 thẻ ATM ngân hàng TP BANK, số thẻ 9704.2377.7319.8302.
- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Anh T 01 giấy chứng minh nhân dân số 241056288.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh C 01 giấy chứng nhận đăng kí mô tô xe máy số 006656, mang tên Nguyễn Thị Thanh C; 01 giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001622156, người đại diện theo pháp luật của công ty là ông Tô Văn B.
- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Quỳnh N 01 giấy chứng minh nhân dân số 241134360, mang tên Nguyễn Thị Quỳnh N; 01 sổ hộ khẩu mang tên Lưu Thị N và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy mang Huỳnh Thị Kim Q.
- Trả lại cho anh Trần Phước L 01 chứng minh nhân dân số 241080839 mang tên Trần Phước L; 01 sổ hộ khẩu mang tên Trần Xuân T.
- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc A 01 giấy khai sinh mang tên Lê Cát Tường L.
- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Q 01 giấy chứng minh nhân dân số 241109635, mang tên Nguyễn Thị Q và 01 giấy khai sinh mang tên Lê Tú A.
- Trả lại cho anh Đỗ Đình T 01 giấy phép lái xe số 240130000875.
- Trả lại cho anh Hoàng Văn T 01 giấy chứng minh nhân dân số 240871586, mang tên Hoàng Văn T; 01 giấy phép lái xe số 938581.
- Trả lại cho chị Nguyễn Thị H 01 giấy chứng minh nhân dân số 245084645, mang tên Nguyễn Thị H, 01 giấy phép lái xe số 61151003973, mang tên Nguyễn Thị H; 01 sổ hộ khẩu số 160673351, chủ hộ Bùi Xuân M.
- Trả lại 01 cho chị Phạm Thị T 01 giấy khai sinh mang tên Võ Văn T.
- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Thanh P 01 giấy chứng minh nhân dân số 241167591.
- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim C 01 chứng minh nhân dân số 24117111.
- Trả lại cho chị Lê Thị Hoàng Y 01 chứng minh nhân dân số 241135569; 01 giấy đăng ký kết hôn mang tên Lê Thị Hoàng Y; 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 922517, mang tên Lê Đăng H.
- Trả lại cho anh Đình Kim P 01 sổ hộ khẩu số 160369560; 01 chứng minh nhân dân số 241235214; 01 giấy chứng nhận kết hôn mang tên Đình Kim P; 01 chứng minh nhân dân số 241096922, mang tên Hoàng Thị Đài T; 01 giấy khai sinh mang tên Đình Hoàng Ngọc B; 01 giấy khai sinh mang tên Đình Quốc C và 01 giấy chứng nhận kết hôn.
- Trả lại cho anh Đặng Mẫu Đ 01 căn cước công dân số 066190001356, mang tên Đặng Mẫu Đ; 01 sổ hộ khẩu số 160202701, do anh Đình Ngọc T đứng tên chủ hộ.
- Trả lại cho chị Khổng Thị T N 01 Giấy chứng minh nhân dân số 240966927.
- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Y 01 giấy khai sinh mang tên Võ Nguyễn Hà U; 01 sổ hộ khẩu số 160318696, do chị Nguyễn Thị Y đứng tên chủ hộ; 01 trích lục khai sinh mang tên Nguyễn Ngọc Thiên A.
- Trả lại cho Nguyễn Tấn B 01 giấy chứng minh nhân dân số 241351607, mang tên Nguyễn Tấn B; 01 sổ hộ khẩu mang số 160561289, do chị Phạm Thị N đứng tên chủ hộ.
- Trả lại cho chị Trần Thị T 01 giấy chứng minh nhân dân số 241110889; 01 giấy chứng minh nhân dân số 240359570, mang tên Huỳnh Thị L; 01 giấy khai sinh mang tên Huỳnh Trần Ánh N.

- Trả lại cho chị Trần Thị L 01 giấy chứng minh nhân dân số 241343969; 01 giấy khai sinh mang tên Trần Thị L; 01 thông báo về việc thực hiện nghĩa vụ vận động đóng góp các loại quỹ năm 2021 mang tên Trần Thị L.

- Trả lại cho chị Cao Thị T V 01 sổ hộ khẩu mang số 160026696, do ông Lê Đình D đứng tên chủ hộ; 01 chứng minh nhân dân số 241085187, mang tên Nguyễn Thị Năng; 01 giấy khai sinh mang tên Cao Thanh V và 01 sổ hộ khẩu số 160026753, do chị Lê Thị H đứng tên chủ hộ.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị L 01 giấy khai sinh mang tên Trịnh Vinh A; 01 sổ hộ khẩu số 160591292, do Trịnh Văn V đứng tên chủ hộ.

- Trả lại cho anh Hồ Viết T 01 chứng minh nhân dân số 241826980, mang tên Hồ Viết T.

- Trả lại cho chị Nguyễn Thị Kim H 01 sổ hộ khẩu số 160207839, do anh Hoàng Khắc C đứng tên chủ hộ; 01 giấy khai sinh mang tên Hoàng Anh K.

- Trả lại cho chị Bùi Thị T 01 giấy chứng minh nhân dân số 245105806.

- Trả lại cho anh Nguyễn Thiện Q 01 căn cước công dân số 001200026827, mang tên Nguyễn Thiện Q; 01 sổ hộ khẩu mang tên Nguyễn Văn Đ.

- Trả lại cho chị Trần Thị Bảo L 01 chứng minh nhân dân số 241109188.

Tịch thu Sung ngân sách nhà nước của bị cáo Kim Văn T:

01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A15S, màu đen, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda loại xe Wave màu đen biển số 47H1-521.53 và số tiền 1.250.000 đồng, kèm đăng ký xe mô tô, xe máy số 029540 chủ xe Nguyễn Văn M, đăng ký lần đầu 23/7/2018, đăng ký mới 19/02/2020.”

Tịch thu, tiêu hủy:

01 Thẻ ATM ngân hàng MB, số thẻ: 4089.0410.3834.9635, 01 Thẻ ATM ngân hàng S, số TK: 0501.2880.2255 của bị cáo Kim Văn T.

01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số 040146, mang tên Lương Tấn P của anh Lương Tấn P.

Số lượng, đặc điểm như biên về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 25/4/2022 giữa Công an thành phố Buôn Ma Thuột và Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

Chuyển lưu hồ sơ vụ án:

01 giấy vay tiền do chị Lê Thị N ký vào ngày 04/7/2021 (bản chính); 01 giấy vay tiền do Trần Phước L ký vào ngày 04/7/2021; 01 giấy vay tiền do chị Nguyễn Thị Ngọc A ký tên ngày 01/7/2021; 01 giấy vay tiền do anh Hoàng Văn T ký tên vào ngày 19/6/2021; 01 giấy vay tiền do chị Nguyễn Thị H ký vào ngày 28/6/2021; 01 giấy vay tiền do chị Phạm Thị T ký vào ngày 24/6/2021; 01 giấy vay tiền do chị Nguyễn Thị Thanh P ký vào ngày 21/6/2021 ; 01 giấy vay tiền do chị Lê Thị Hoàng Y ký vào ngày 05/7/2021; 01 giấy vay tiền, do chị Nguyễn Thị Y ký tên vào ngày 25/6/2021; 01 giấy vay tiền, do chị Trần Thị T ký vào ngày 30/6/2021; 01 giấy vay tiền, do chị Trần Thị L ký vào ngày 20/6/2021.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Kim Văn T phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKS TP. BMT;
- Chi cục THA TP. B;
- Công an TP. BMT;
- VKS tỉnh Đắk Lắk;
- TA tỉnh Đắk Lắk;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo, đương sự;
- Lưu HS vụ án, VPCQ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Đình Thanh